

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 12-7-2021

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lâm.

2. Ông Phạm Thuận.

Thư ký Toà án phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST-DS ngày 18/3/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-DS ngày 01/6/2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 29/2021/QĐST-DS ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Đường N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật là: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức danh: Tổng giám đốc; đại diện khởi kiện là ông Hồ Thanh H – Chức danh: Giám đốc Chi nhánh tại Đà Nẵng (theo Quyết định ủy quyền số: 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc); đại diện tham gia tố tụng là: Ông Huỳnh Trung L - chức danh: Chuyên viên quan hệ khách hàng, địa chỉ liên hệ: Đường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền số: 74/2021/UQ-CNĐN ngày 15/01/2021 của Giám đốc Chi nhánh tại Đà Nẵng, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn C - sinh năm: 1992; nơi cư trú: Đường P, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ngày 04 tháng 02 năm 2021, bản tự khai ngày 14 tháng 6 năm 2021, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 08/9/2018, ông Cao Văn C có ký với Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại thành phố Đà Nẵng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn 3,75%/tháng (theo Công văn số: 710/TB-TTT ngày 31/12/2013), phí sử dụng hàng năm là 299.000đ/năm, thời hạn sử dụng thẻ từ tháng 9/2018 đến tháng 09/2022, khách hàng được miễn lãi 35 ngày cho giao dịch thanh toán điện tử.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng với số thẻ 356480-6..., số tài khoản 3580959..., ông C đã 01 lần thực hiện giao dịch rút số tiền 14.500.000đ vào ngày 22/9/2018, đã thanh toán tổng cộng được 3.150.000đ gồm phí và lãi phát sinh, còn lại đến nay không thanh toán. Ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn vào ngày 23/03/2019 với tổng số tiền 15.504.306đ (*mười lăm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*) bao gồm: Số tiền khách hàng đã giao dịch: 14.500.000đ; phí trễ hạn: 286.462đ; lãi phát sinh: 667.844đ; phí vượt hạn mức: 50.000đ (theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tạm tính đến ngày 27/5/2021, ông C còn nợ lại Ngân hàng với tổng số tiền 29.545.796đ (*hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng*), trong đó:

- Dư nợ gốc: 15.504.306đ (*mười lăm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*);

- Lãi quá hạn: 14.041.490đ (*mười bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm chín mươi đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Trung L đề nghị Tòa án buộc ông Cao Văn C phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 30.361.646đ (*ba mươi triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc quá hạn là 15.504.306đ, tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 23/3/2019 đến ngày 12/7/2021 là

14.857.340đ và tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 13/7/2021 cho đến khi ông C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Cao Văn C không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, cũng như không tham gia phiên hòa giải vào các ngày 23/4/2021 và ngày 11/5/2021 dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Thông báo về phiên họp.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Cao Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng số 356480-6..., số tài khoản 3580959... với hạn mức tín dụng 15.000.000đ cho ông Cao Văn C theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng vào ngày 08/9/2018, với mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn 3,75%/tháng. Quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ông C thực hiện giao dịch tín dụng rút tiền mặt với số tiền 14.500.000đ vào ngày 22/9/2018. Tính đến ngày 23/3/2019, ông C còn nợ lại các khoản gồm: Số tiền đã giao dịch 14.500.000đ, phí trễ hạn: 286.462đ, lãi phát sinh: 667.844đ, phí vượt hạn mức: 50.000đ. Tổng số tiền các khoản nêu trên là 15.504.306đ (*mười lăm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*), được chuyển sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[4] Xét thấy Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Do ông Cao Văn C không thực hiện thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C thanh toán tổng số tiền nợ 30.361.646đ (*ba mươi triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc quá hạn là 15.504.306đ, tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 23/3/2019 đến ngày 12/7/2021 là 14.857.340đ. Xét thấy yêu cầu của đại diện nguyên đơn đúng với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, thỏa thuận tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Ngoài ra, đại diện Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh do chậm trả đối với số tiền nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn nêu trên kể từ ngày 13/7/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] *Về án phí:* Ông Cao Văn C phải chịu 1.518.000đ (30.361.646đ x 5%, đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Cao Văn C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Cao Văn C phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 30.361.646đ (*ba mươi triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng*); trong đó: tiền nợ gốc quá hạn là 15.504.306đ (*mười lăm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*), nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/7/2021 là 14.857.340đ (*mười bốn triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng*).

Kể từ ngày 13/7/2021 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Cao Văn C còn phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc quá hạn (15.504.306đ) theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp

đồng ngày 08/9/2018 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí: Ông Cao Văn C phải chịu 1.518.000đ (*một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 678.400đ (*sáu trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm đồng*) theo biên lai thu số 0009066 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/7/2021). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn